



BÌNH DƯƠNG TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO HƯỚNG BỀN VỮNG, HIỆU QUẢ

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương

1. Những thành tựu quan trọng.

Là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, 5 năm qua (2001- 2005), thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VII, với tinh thần năng động, sáng tạo, Bình Dương đã có bước phát triển mạnh mẽ trên các mặt và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

Một là, kinh tế liên tục phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý. GDP tiếp tục tăng trưởng bình quân 15,3%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp với tỉ trọng tương ứng đến cuối năm 2005 là 63,8% - 22,8% - 8%; thu nhập bình quân đầu người đạt 15,4 triệu đồng.

Sản xuất công nghiệp đã tạo được bước phát triển đột phá, luôn giữ mức tăng trưởng bình quân cao so với tốc độ tăng trưởng bình quân chung của cả nước, giữ vai trò là ngành kinh tế trọng yếu của tỉnh, làm động lực thúc đẩy phát triển các ngành và các lĩnh vực khác. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 35,6%/năm, trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tăng 9%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 27%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 46%.

Đến năm 2005, toàn tỉnh đã phát triển thêm 9 khu công nghiệp, nâng tổng số các khu công nghiệp trên địa bàn lên 16 khu với tổng diện tích 3.241 ha. Hiện có 674 doanh nghiệp hoạt động trong các KCN, gấp 2,5 lần so với cuối năm 2000, tỉ lệ cho thuê bình quân của các KCN đạt 70%; trong đó, 7 KCN hình thành và đi vào hoạt động trước năm 2000 đạt tỉ lệ cho thuê đất trên 90%.

Nông - lâm - ngư nghiệp và phát triển nông thôn phát triển đúng hướng. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 6,2%; trong đó, nông nghiệp tăng 6,1%, lâm nghiệp tăng 4,8% và ngư nghiệp tăng 8%. Ngành chăn nuôi, bình quân hàng năm tăng 13,7%. Tỉ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm trên địa bàn tỉnh đạt 53,4%, tăng 6,4% so với cuối năm 2000. Một số cây trồng, vật nuôi chủ lực tiếp tục được phát triển và mở rộng quy mô diện tích, nâng cao chất lượng, gắn kết bước đầu với mạng lưới chế biến, tiêu thụ nông sản. Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

Thương mại - dịch vụ - du lịch - xuất nhập khẩu có nhiều chuyển biến. Trong 5 năm qua, tổng mức bán lẻ hàng hoá bình

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

quân hàng năm đạt 20%; trong đó, kinh tế nhà nước chiếm 20%, kinh tế dân doanh chiếm 70%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 10%. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm 15,5%. Kim ngạch xuất khẩu đạt 8,433 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm 42,4%, riêng năm 2005 đạt 3,1 tỉ USD, gấp 5,8 lần so với năm 2000. Thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng. Đến nay, đã xuất khẩu hàng hoá đến 150 quốc gia, vùng, lãnh thổ. Kim ngạch nhập khẩu đạt 7,847 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm 37%, năm 2005 đạt 2,705 tỉ USD, gấp 5 lần so với năm 2000. Ngành du lịch đã thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia, trong 5 năm qua, doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm 29%.

Hai là, các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển cả về số lượng và quy mô, phát huy tính tự chủ trong tổ chức sản xuất - kinh doanh. Kinh tế nhà nước được sắp xếp, đổi mới quản lý. Năm 2005, đã cơ bản hoàn thành sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đảm bảo đúng quy trình và theo phương án được Chính phủ phê duyệt; duy trì doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: 3 doanh nghiệp, chuyển theo mô hình công ty mẹ - công ty con: 6 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp còn lại đang tiến hành cổ phần hoá. Kinh tế tập thể được củng cố và phát triển. Đến nay, toàn tỉnh có 4.617 tổ hợp tác, 84 hợp tác xã hoạt động sản xuất - kinh doanh phát triển trên các lĩnh vực nông nghiệp, vận tải, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ...; trong đó, có 2.250 tổ, nhóm hợp tác, 57 hợp tác xã được thành lập mới. Kinh tế ngoài quốc doanh và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục gia tăng tỉ trọng đóng góp trong GDP của tỉnh. Cơ cấu kinh tế của các huyện, thị xã có bước chuyển đúng hướng

Ba là, tích cực huy động vốn cho đầu tư phát triển. Tổng vốn đầu tư phát triển đạt 41 ngàn tỉ đồng, tăng bình quân hàng năm 14,8%; trong đó, vốn ngân sách chiếm 7,1%, tín dụng chiếm 4,8%, vốn các doanh nghiệp chiếm 26,7%, vốn dân cư và tư nhân chiếm 13,8%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 47,6%. Thu hút vốn đầu tư trong nước phát triển đáng kể. Đến nay, toàn tỉnh có 3.459 doanh nghiệp được thành lập với tổng số vốn đầu tư 15.733 tỉ đồng; trong đó, có 2.208 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đầu tư 11.093 tỉ đồng. Bình quân hàng năm có 440 doanh nghiệp được thành lập, thu hút gần 2.218 tỉ đồng, so với năm 2000, tăng 2,7 lần số dự án và gấp 3,4 lần số vốn đầu tư. Đầu tư nước ngoài đã có 705 dự án đầu tư mới với tổng vốn đầu tư 2.625 tỉ USD, bình quân hàng năm thu hút 141 dự án với 525 triệu USD. So với năm 2000, số dự án tăng gấp 2,9 lần, số vốn đầu tư tăng gấp 2,1 lần. Lũy kế đến cuối năm 2005 có 1.076 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đạt 5 tỉ 680 ngàn USD. Hiện tại có gần 700 doanh nghiệp đang hoạt động.

Nhờ đầu tư phát triển đúng hướng, đến nay, toàn tỉnh có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm hành chính xã; trong đó, có trên 80% đường nhựa. Tỉ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 97%, sử dụng nước sạch đạt 84%, sử dụng điện thoại đạt 20 máy/100 dân. Thị xã Thủ Dầu Một được tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng, từng bước đáp ứng được vai trò, vị trí trung tâm kinh tế - hành chính - văn hoá của tỉnh. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân đã cơ bản hoàn thành trong năm 2005.

Bốn là, thu chi ngân sách hàng năm thực hiện vượt dự toán. Tổng thu mới ngân sách đạt 16.162 tỉ đồng, tăng bình

quân hàng năm 33,2 %. Năm 2005 thu ngân sách đạt 5.147,8 tỉ đồng, gấp 4,2 lần so với năm 2000. Nguồn thu từ hoạt động sản xuất - kinh doanh trong nước tăng bình quân hàng năm 30%, chiếm tỉ trọng 64% trong tổng thu ngân sách. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 6.595 tỉ đồng, tăng bình quân hàng năm 23,8%; trong đó, chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 2.811 tỉ đồng, tăng bình quân 25%, chiếm tỉ trọng 42,4% trong tổng chi ngân sách. Việc khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính đã đạt được một số kết quả bước đầu trong sử dụng tiết kiệm kinh phí, tinh gọn biên chế, bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

Năm là, hoạt động văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng đạt nhiều kết quả. Đến nay, toàn tỉnh có 27 trường đạt chuẩn quốc gia về giáo dục (năm 2000 mới chỉ có 1 trường), 4 đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, chủ trương xã hội hoá giáo dục - đào tạo được đẩy mạnh. Chăm sóc sức khoẻ nhân dân được thường xuyên chú trọng. Cơ sở vật chất về y tế được đầu tư, nâng cấp và mở rộng đều ở các tuyến. Toàn tỉnh hiện có 62 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (chiếm 69,6%), 77 xã có bác sĩ (86,5%); tỉnh đã thực hiện bảo hiểm y tế cho 41% dân số, tổ chức khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại 100% trạm y tế phường, xã, y tế doanh nghiệp. Từ năm 2002, thực hiện mua bảo hiểm y tế cho 100% người nghèo từ vốn ngân sách; năm 2003, thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi trong toàn tỉnh. Xã hội hoá y tế phát triển mạnh. Công tác dân số - gia đình - trẻ em được quan tâm. Đến cuối năm 2003, toàn tỉnh đã đạt mức sinh thay thế 1,8 con, vượt 2 năm so với mục tiêu dân số Bình Dương giai đoạn 2001-2010. Bình quân hàng năm tỉ suất sinh giảm 0,8‰. Phong

trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được phát triển ở hầu hết địa bàn khu dân cư, đến nay, toàn tỉnh có 92% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, 85% khu dân cư đạt tiêu chuẩn khu dân cư tiên tiến, khu, ấp văn hoá. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm và đào tạo nghề được chú trọng. Đã vận động nhiều nguồn vốn xây dựng được 1.048 căn nhà tình nghĩa, sửa chữa 407 căn nhà cho các đối tượng chính sách với tổng kinh phí gần 22 tỉ đồng, trao tặng nhiều sổ tiết kiệm và 5.038 nhà đại đoàn kết, trị giá 25,8 tỉ đồng. Tháng 11-2005, tỉnh được nhận Bằng ghi công về thành tích xây dựng nhà đại đoàn kết và hoàn thành việc xoá nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi toàn tỉnh. Công tác giải quyết việc làm, bình quân hàng năm có khoảng 33.000 lao động được giải quyết việc làm. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 38%. Đã huy động hơn 626 tỉ đồng từ nhiều nguồn vốn cho các đối tượng nghèo vay, nhờ đó góp phần giảm nghèo cho trên 11.000 hộ. An ninh - quốc phòng được giữ vững.

Nhìn chung, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VII, lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả khá toàn diện. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt được, nền kinh tế tỉnh phát triển nhanh nhưng chưa vững chắc, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao và chưa bảo đảm tính cân đối giữa tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ. Năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Công nghiệp tăng trưởng nhưng chủ yếu mới chỉ tăng về lượng, giá trị gia tăng còn thấp, nhất là các ngành công nghiệp có trình độ công nghệ cao, kĩ thuật tiên tiến. Dịch vụ phát triển chưa đáp ứng yêu cầu phát triển chung của nền kinh tế. Việc quản lý các khu dân cư theo quy hoạch còn bộc lộ nhiều điểm yếu. Chất lượng giáo dục còn thấp và có sự chênh lệch

giữa các vùng, miền và các loại hình trường. Công tác đào tạo chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều bất cập. Một số vấn đề như ô nhiễm môi trường, rác thải đô thị và công nghiệp, tình trạng di dân tự do và quản lý lao động từ địa phương khác đến, nhà ở cho công nhân chậm được khắc phục.

2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2010.

Thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ VIII, trong giai đoạn 2006-2010, tỉnh phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ với những chỉ tiêu chủ yếu: tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 15%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp với tỉ lệ tương ứng là 65,5%-30%-4,5%. GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt khoảng 30 triệu đồng. Hàng năm, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 29-30%, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,5-6%, giá trị dịch vụ tăng 18-20%, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 30%, chi - thu ngân sách tăng 13-14%; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong cả giai đoạn đạt 2 tỉ USD. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 14-15%. Trên 90% trường phổ thông trung học, tiểu học đạt chuẩn quốc gia; phổ cập giáo dục bậc phổ thông trung học; trên 95% giáo viên đạt chuẩn về đào tạo, đồng bộ về cơ cấu. Hàng năm hạ tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 1,5-2%; 95% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, Mức giảm sinh hàng năm đạt 0,8‰. 90% xã phường có thiết chế văn hoá. Số người luyện tập thể dục- thể thao thường xuyên đạt 22% trở lên. Hàng năm, giảm tỉ lệ hộ nghèo 2,5% (theo tiêu chí mới của tỉnh). Giải quyết việc làm cho 35.000- 40.000 lao động/1 năm. Xây dựng thị xã Thủ Dầu Một đến năm 2010 thành đô thị loại II.

Nhằm tạo động lực phát triển kinh tế -

xã hội theo hướng bền vững, hiệu quả, tỉnh phấn đấu thực hiện tốt các giải pháp:

Thứ nhất, tạo bước đột phá mới, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế trên các mặt:

- *Phát triển công nghiệp toàn diện*, vừa đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế về quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng theo hướng bền vững. Phát triển công nghiệp gắn với phát triển dịch vụ, phát triển đô thị và bảo vệ môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, kĩ thuật cao, các ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ tạo giá trị gia tăng cao, phát triển các làng nghề, tiểu thủ công nghiệp truyền thống... Tiếp tục di dời các cơ sở ô nhiễm ra khỏi các đô thị và các khu dân cư. Đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt gắn với đầu tư đồng bộ hạ tầng kĩ thuật.

- *Phát triển thương mại - dịch vụ* theo hướng phát triển thương mại nội địa. Đầu tư mới, mở rộng hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ cấp liên khu vực, cấp tỉnh, huyện. Chú trọng phát triển các chợ nông thôn, vùng sâu, vùng xa.. Mở rộng thị trường, đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu và công tác xúc tiến thương mại. Tạo bước đột phá trong phát triển dịch vụ, khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch của tỉnh và của vùng. Hình thành các tuyến du lịch gắn kết với các công trình lịch sử, văn hoá, thành tựu phát triển kinh tế tỉnh.

- *Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp* theo hướng bền vững và gắn với phát triển kinh tế nông thôn. Chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với phát triển mô hình nông nghiệp kĩ thuật cao và công nghiệp chế biến. Tập trung phát triển chăn nuôi, nâng tỉ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ phát triển hình

thức liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp và các nhà khoa học. Xây dựng đồng bộ hệ thống phòng chống dịch gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và cây trồng. Hình thành vùng an toàn dịch bệnh.

Thứ hai, tăng cường đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật theo hướng huy động nhiều nguồn vốn, tạo bước phát triển đột phá về cơ cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Quy hoạch xây dựng thị xã Thủ Dầu Một thành đô thị loại II gắn với chỉnh trang xây dựng các thị trấn. Tăng tỉ lệ bê tông hoá, nhựa hoá hệ thống đường trên phạm vi toàn tỉnh. Đảm bảo cấp đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng. Phấn đấu đến năm 2010 giải quyết cơ bản các hộ dân đều được dùng điện lưới quốc gia, đảm bảo cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, 97-98% hộ dân được cung cấp nước sạch.

Thứ ba, xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, linh hoạt và minh bạch, tạo thuận lợi thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. Chú trọng kêu gọi và thu hút các nhà đầu tư, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới đến tỉnh đầu tư sản xuất - kinh doanh.

Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước; tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế hỗn hợp...

Thứ tư, khai thác tốt các nguồn thu tài chính, tăng thu hàng năm 13- 14% . Đảm bảo các khoản chi theo quy định, hợp lý, dành 40% trên tổng chi cho xây dựng cơ bản; đồng thời, đổi mới, mở rộng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ tài chính, tín dụng, kinh doanh tiền tệ.

Thứ năm, tiếp tục củng cố, phát triển hoàn chỉnh mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục; đa dạng hoá trường lớp và các loại hình đào tạo. Xây

dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu y tế chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. Đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu nâng cao chất lượng dân số - gia đình và trẻ em. Tăng cường xã hội hoá hoạt động văn hoá. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện các trung tâm văn hoá huyện, thị xã. Tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động văn hoá. Tập trung nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giải quyết việc làm và đào tạo nghề. Phấn đấu đến năm 2010 cơ bản hoàn thành công tác xoá đói, giảm nghèo. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đối với người có công với cách mạng. Duy trì và đảm bảo gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình trong dân cư. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh. Có chính sách đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong các khu vực giải toả. Phát triển mạng lưới viễn thông đồng bộ, hiện đại, phấn đấu đến năm 2010 đạt 350.000 thuê bao điện thoại cố định, 150.000 máy điện thoại di động.

Thứ sáu, tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên cả 4 mặt: thể chế, tổ chức bộ máy, công tác cán bộ và tài chính công; đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đồng bộ, có chất lượng. Thực hiện chương trình hiện đại hoá nền hành chính, hiện đại hoá công sở, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào xây dựng "chính quyền điện tử" đáp ứng với yêu cầu đổi mới và phát triển trên địa bàn tỉnh □